

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng
tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 4817/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị ban hành Nghị quyết về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về thẩm quyền quyết định trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng đã được Chính phủ phân quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định

hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố; các Văn phòng quận, huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp quận, huyện.

3. Các loại tài sản công được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong công tác quản lý, sử dụng được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

4. Đối với việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm hàng hóa, dịch vụ (không thuộc các loại tài sản công đã được Hội đồng nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tại Khoản 3 Điều này) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan để ban hành quy định và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, kỳ họp thứ 3 về phân cấp thẩm quyền quyết định trong trang bị, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Nho Trung



Phụ lục

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 450 /2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định									
		Cấp thành phố					Cấp quận, huyện				
		UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện	
I	TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; CỦA VĂN PHÒNG QUẬN, HUYỆN ỦY LÀ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN										
1	Mua sắm										
1.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp ngân sách)										
1.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp ngân sách)	x									
1.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp ngân sách)		x								
1.4	Tài sản công khác										
1.4.1	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)										
1.4.2	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 02 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)		x								
1.4.3	Giá trị danh mục (gói) mua sắm trên 100 triệu đồng đến 02 tỷ đồng (theo cấp ngân sách)			x	x				x		
1.4.4	Giá trị danh mục (gói) mua sắm đến 100 triệu đồng (theo cấp ngân sách)			x	x					x	
2	Thuế										
2.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp ngân sách)		x								
2.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (theo cấp ngân sách)		x					x			
2.3	Tài sản công khác										
2.3.1	Giá trị gói đi thuê trên 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)										
2.3.2	Giá trị gói đi thuê trên 02 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng (không phân biệt cấp ngân sách)		x								
2.3.3	Giá trị gói đi thuê trên 100 triệu đồng đến 02 tỷ đồng (theo cấp ngân sách)			x	x					x	
2.3.4	Giá trị gói đi thuê đến 100 triệu đồng (theo cấp ngân sách)			x	x					x	

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định									
		Cấp thành phố					Cấp quận, huyện				
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu số, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc số, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện
3	Thu hồi										
3.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)		x								
3.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)		x								
3.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)		x								
3.4	Tài sản công khác	Cấp trên của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm sẽ là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thu hồi; riêng UBND thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản công khác do mình quyết định mua sắm									
4	Điều chuyển										
4.1	Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam										
4.1.1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)		x								
4.1.2	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x							
4.1.3	Tài sản công khác (không phân biệt cấp quản lý)			x							
4.2	Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố tương ứng với phạm vi quản lý của từng cấp										
4.2.1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)			x							
4.2.2	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x							
4.2.3	Tài sản công khác (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x	x	x		x		x	x
5	Bán										
5.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)	x									
5.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý)			x							
5.3	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x							
5.4	Tài sản công khác	Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm (theo phạm vi quản lý của từng cấp) cũng là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công									
6	Thanh lý										
6.1	Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý)			x							

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định									
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện			
		HUBND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện
6.2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phân biệt cấp quản lý)		x								
6.3	Công trình, vật kiến trúc khác (theo phạm vi quản lý của từng cấp)		x						x		
6.4	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x							
6.5	Tài sản công khác										
6.5.1	Nguyên giá trên 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (không phân biệt cấp quản lý)			x							
6.5.2	Nguyên giá từ 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x				x		
6.5.3	Nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x	x	x	x			x	
6.6	Tài sản công khác có nguyên giá đến 100 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x	x	x	x				x
7	Tiêu hủy tài sản công (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
8	Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:										
8.1	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy (không phân biệt cấp quản lý)			x							
8.2	Tài sản công khác										
8.2.1	Nguyên giá trên 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (không phân biệt cấp quản lý)			x							
8.2.2	Nguyên giá từ 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x			x		
8.2.3	Nguyên giá trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x			x	
8.2.4	Nguyên giá đến 100 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (theo phạm vi quản lý của từng cấp)				x	x	x				x
II	TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC										
1	Giao, điều chuyển, mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước			x					x		
2	Xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt			x					x		
III	TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUYẾT LỢI										
1	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác		x								
2	Thu hồi			x							
3	Điều chuyển			x					x		
4	Bán (không phân biệt cấp quản lý)			x					x		

Thẩm quyền quyết định											
STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Cấp thành phố						Cấp quận, huyện			
		UBND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện
5	Thanh lý			x						x	
6	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại			x						x	
IV	TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN										
1	Xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản										
1.1	Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chôn giấu; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản			x							
1.2	Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
1.3	Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động			x							
1.4	Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giải thể			x						x	
1.5	Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý			x						x	
2	Phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân										
2.1	Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính										
2.1.1	Xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 vụ việc			x							
2.1.2	Tai sản cơ giới tự hành có trọng lượng từ 100kg trở lên và vận tốc tối đa từ 10km/h trở lên							x		x	
2.2	Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu										
2.2.1	Công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 vụ			x							
2.2.2	Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/ 01 vụ							x		x	
2.3	Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chôn giấu được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng			x							

STT	Nội dung liên quan đến quản lý tài sản công (tương ứng với phạm vi của từng cấp)	Thẩm quyền quyết định									
		Cấp thành phố						Cấp quận, huyện			
		HĐND thành phố	UBND thành phố	Chủ tịch UBND thành phố	Người đứng đầu sở, ban, ngành	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND TP	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Giám đốc Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Chủ tịch UBND quận, huyện	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện
2.4	Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP									x	
2.5	Tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
2.6	Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết			x							
2.7	Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân			x						x	
2.8	Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án (theo phạm vi quản lý của từng cấp)			x						x	
V	SÁP XẾP LẠI, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG (Bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Thành phố quản lý)			x							

Ghi chú:

- Riêng đối với mua sắm tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) và thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu đơn vị tự quyết định.
- Việc quản lý vận hành tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Điều 11, Điều 41 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.
- Thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công được thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP:
 - Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công;
 - Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công quyết định việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp thay đổi cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản công./.

